

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/DS-PT
Ngày: 27-8-2018
V/vtranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng.**

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Đồng

Bà Trương Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Hồng Vân**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLPT-DS ngày 4 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1952; cư trú tại: Số T1, đường T2, khu phố T3, phường T4, thành phố T5, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1959; cư trú tại: Số L1 khu phố L2, phường T4, thành phố T5, tỉnh Tây Ninh, (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2017 và 31/5/2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Thái Thị P**, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Thái Văn Đ**, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ 15, ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 15, ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh; đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân thuộc huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Tòa án không triệu tập.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thái Thị P và ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I: Luật sư **Trịnh Văn H** – Chi nhánh Văn phòng Luật sư GT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).*

- *Người kháng cáo: Ông Thái Văn Đ– người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-12-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Từ năm 2008 đến 2009, vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I có vay của ông Trần Minh T tổng cộng 3.750.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông Đ, bà I trả nợ và chuyển nhượng cho ông Trần Minh T khoảng 10 ha đất trị giá 1.302.828.800 đồng. Đồng thời, vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I tiếp tục vay của ông Trần Minh T 355.000.000 đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho người khác, nên tổng cộng số tiền còn nợ lại của vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I là 2.054.171.200 đồng.

Do vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I không trả nợ vay nên ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tại Bản án Dân sự phúc thẩm số: 73/2016/DS-PT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, quyết định buộc vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I phải trả cho ông Trần Minh T tổng cộng số tiền 2.878.920.936 đồng; bao gồm 2.054.171.200 đồng tiền nợ gốc và 824.749.736 đồng tiền lãi. Sau đó, ông Trần Minh T đã nộp đơn yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I không tự nguyện thi hành bản án nói trên.

Trước đó vào ngày 06-01-2012, vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là chị Thái Thị P, đối với phần đất diện tích 500m², thửa số 24, tờ bản đồ số 161, tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu có thông báo số 671a/TB-CCTHADS ngày 17/11/2016 thông báo cho bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà I và chị P vô hiệu.

Nay ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I và chị Thái Thị P, đối với phần đất diện tích 500m², thửa số 24, tờ bản đồ số 161, tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh, hợp đồng đã được ký và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 06-01-2012 là vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Thái Thị P đã được Tòa án thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị I, là cha của chị Thái Thị P. Ngày 06-01-2012, ông có ký hợp đồng tặng cho chị Thái Thị P quyền sử dụng đối với phần đất phân đất diện tích 500 m², thửa số 24, tờ bản đồ số 161, tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh. Tại thời điểm tặng, cho thì chị P có từ Trung Quốc trở về để ký Hợp đồng, sau khi ký xong thì chị P đã quay trở về Trung Quốc sinh sống đến nay. Thời điểm đó vợ ông là bà I đang chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân nên đã ủy quyền cho ông toàn quyền quyết định việc tặng, cho quyền sử dụng đất trên.

Tại vị trí đất mà ông tặng, cho chị P thì ông cũng làm thủ tục tặng cho con là Thái Minh Tiến diện tích 500m² và Thái Vũ Linh diện tích 1.200m². Hiện nay, ông vẫn còn một phần đất do ông đứng tên và một căn nhà trên đất trị giá khoảng hơn 1.000.000.000 đồng nhưng cũng đã cần trừ nợ cho ông Nguyễn Thành Nị, ông Nị đang sử dụng, chưa sang tên chuyển quyền.

Nguồn gốc đất cho chị P là của cha, mẹ ông (đã chết), trước đây có nói là tặng, cho Phấn. Tuy nhiên, thời điểm đó Phấn còn nhỏ nên chưa thể đứng tên được nên ông đã đứng tên dùm. Nay ông chỉ tặng, cho lại chị P phần đất trên theo nguyện vọng của cha, mẹ ông. Việc ông tặng, cho quyền sử dụng đất cho con gái ông là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật.

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 73/2016/DS-PT ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì vợ chồng ông phải có nghĩa vụ phải trả cho ông T số tiền vay là 2.054.171.200 đồng và 824.749.736 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.878.920.936 đồng. Ông không đồng ý với bản án trên nên đã làm đơn khiếu nại và đang chờ Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị I trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đ. Do hiện nay bà đang chấp hành án nên xin được giải quyết, xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 129, 722, 725 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T đối với chị Thái Thị P về việc “Tranh chấp dân sự về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất là vô hiệu”.

Tuyên bố Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất diện tích 500 m², thuộc thửa đất số 24 (nay là thửa 441), tờ bản đồ số 161, tọa lạc tại ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh giữa ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I với chị Thái Thị P được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 06/01/2012 là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 11/6/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Thái Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trong trường hợp không sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên thì hủy bản án sơ thẩm với lý do có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thái Thị P, ông Thái Văn Đ và bà Nguyễn Thị I:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Thái Văn Đ cho rằng chị P ở Trung Quốc nhưng ông không cung cấp được địa chỉ cư trú của chị P, đơn khởi kiện ông T ghi đúng địa chỉ của chị P ghi trong hợp đồng tặng cho và phù hợp với tờ khai ngày 19/6/2018 của chị P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tại Công văn số 690/XNC ngày 31/7/2018 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh thì chị P nhập cảnh về Việt Nam từ tháng 1/2018 đến nay chưa có thông tin xuất cảnh. Tại thời điểm Tòa án niêm yết đưa vụ án ra xét xử chị P có mặt tại Việt Nam. Chị Thái Thị P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2016, ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông

Đ và chị P. Ngày 9/5/2018, ông T thay đổi yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu. Việc thay đổi yêu cầu là khởi kiện của ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244.

Tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Dân sự năm 2005, quy định về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội và giả tạo là không bị hạn chế. Do đó, việc ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu giữa vợ chồng ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I với chị Thái Thị P là còn trong thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/01/2017 ông T có giấy ủy quyền cho bà L thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án các cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ngày 31/5/2017 ông T ủy quyền cho bà L toàn quyền thay mặt ông giải quyết vụ án từ ngày lập giấy ủy quyền đến khi vụ việc được giải quyết xong ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm và kể cả thi hành án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2018, ông T xác định ông có ủy quyền cho bà L nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án, việc ủy quyền của ông T cho bà L là phù hợp với Điều 142 Bộ luật dân sự năm 2005

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn Đ thì thấy rằng

3.1. Ngày 10-01-2011, ông Trần Minh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 2.878.920.936 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nói trên, ngày 06-01-2012, ông Thái Văn Đ đã lập hợp đồng tặng cho chị Thái Thị P quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 500 m², thuộc thửa đất số 24 (nay là thửa 441), tờ bản đồ số 161, tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chứng thực

3.2. Mặc khác, ngày 06-6-2012, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2012/QĐ-BPKCTT, nội dung phong tỏa tài sản là phần đất diện tích 3834 m², thửa số 24, tờ bản đồ số 161, do ông Thái Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00164QSDĐ/450304 ngày 13/6/1996.

3.3. Ngày 30-7-2015, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu ban hành Bản án Dân sự sơ thẩm số: 57/2015/DS-ST, quyết định buộc ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I phải trả cho ông Trần Minh T số tiền nợ gốc và lãi là 2.878.920.936 đồng. Ngày 28 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Bản án Dân sự phúc thẩm số: 73/2016/DS-PT, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về việc buộc ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 2.878.920.936 đồng.

3.4. Theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện, mặc dù ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I chỉ còn tài sản duy nhất để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 3.824 m², tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, trong thời gian ông Trần Minh T khởi kiện, vợ

chồng ông Thái Văn Đ lại tặng cho chị Thái Thị P diện tích 500 m². Do đó, cho đến nay ông Trần Minh T vẫn chưa được thi hành khoản tiền nào. Ông Đ cho rằng, diện tích đất cho chị P là của cha mẹ ông cho chị P, ông chỉ đứng tên dùm và cho lại chị P theo nguyện vọng của cha mẹ ông nhưng ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

3.5. Như vậy, vợ chồng ông Đ tặng cho quyền sử dụng đất cho các con trong khi không còn tài sản nào khác để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho ông T là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ với bên thứ ba nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thái Văn Đ và chị Thái Thị P, được chứng thực ngày 06-01-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội vô hiệu là có căn cứ.

3.6. Ông T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi cục thi hành án huyện Tân Châu, Ủy ban nhân dân xã Tân Hội và bà Nguyễn Thị Lan Thanh là vợ ông T vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xét thấy việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của những người trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa người tham gia tố tụng đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn Đ; không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và ông Đ, bà I, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 128, 129, 136, 467, 722, 725 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn Đ.
2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 25-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu” giữa ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị I với chị Thái Thị P.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 06-01-2012, giữa ông Thái Văn Đ và bà Nguyễn Thị I với chị Thái Thị P đối với diện tích 500 m², thuộc thửa đất số 24 (nay là thửa 441), tờ bản đồ số 161, tọa lạc ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 06-01-2012 là vô hiệu.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Chị Thái Thị P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Trần Minh Trọng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0023792 ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị Kim L là người nộp thay).

- Án phí phúc thẩm: Ông Thái Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0025593 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. HTC;
- Chi cục THADS. HTC;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Phượng